

Thứ ba, ngày 21 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tác động tiêu cực từ giá HDTL dầu, thị trường giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/4/2020		●	
Tuần 20/4-24/4/2020		●	
Tháng 4/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Chịu ảnh hưởng mạnh từ nhịp điều chỉnh của TTCK Mỹ trong phiên hôm qua cũng như sự sụt giảm khó lường của hợp đồng dầu tương lai WTI xuống vùng giá âm, ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã nhanh chóng lùi về sau mốc tham chiếu. Mặc dù có lúc đã hồi phục nhờ lực kéo của SAB, trong suốt thời gian giao dịch còn lại, chỉ số vận động tiêu cực và dễ mất đến 3.5%. Áp lực chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với các mã VCB, VIC, BID, GAS, VHM. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía bên bán với hơn 300 cổ phiếu chìm trong sắc đỏ. Thanh khoản tăng mạnh lên mức cao cũng cho thấy tâm lý kém khả quan của nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường vận động đồng pha với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm báo cáo của BSC [tại đây \(link\)](#) về ảnh hưởng của giá dầu đến các nhóm ngành cổ phiếu để đưa ra quyết định đầu tư tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống 690 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/4/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt -2.5%

Phân tích kỹ thuật: PVB_Duy trì đà tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-28.13 điểm**, đóng cửa 766.84. HNX-Index **-4.98 điểm**, đóng cửa 104.70.
- Kéo chỉ số tăng: DCM (+5.52%); BIC (+6.43%); NT2 (+1.82%); PGI (+6.76%); STG (+5.37%).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-3.33%); BID (-6.47%); GAS (-6.25%); VNM (-3.2%); SAB (-3.90%).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,119 tỷ đồng**, +17% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 27.41 điểm. Thị trường có **56 mã tăng**, 37 mã tham chiếu và **312 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **210.58 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm BID (36.39 tỷ), STB (33.21 tỷ) và VIC (32.14 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **30.37 tỷ đồng**.

VN-INDEX **766.84**Giá trị: 5119.96 tỷ **-28.13 (-3.54%)**

Khối ngoại (ròng): -210.58 tỷ

HNX-INDEX **104.70**Giá trị: 662.22 tỷ **-4.98 (-4.54%)**

Khối ngoại (ròng): -30.37 tỷ

UPCOM-INDEX **51.18**Giá trị: 318.73 tỷ **-1.46 (-2.77%)**

Khối ngoại (ròng): -4.68 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	-3.4	-90.88%
Giá vàng	1,679	-0.97%
Tỷ giá USD/VND	23,462	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,461	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,853	0.29%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	7.72%
LS TPCP 5 năm	2.6%	1.84%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	60.5	BID	36.3
VHM	28.1	STB	33.1
HDB	8.4	VIC	32.0
VNM	6.8	E1VFN30	31.0
HSG	5.1	VCB	30.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-2.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	5/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-2.5%	-1.3%	17.4%	17.4%	-8.7%	-8.7%	15.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-2.8%	-0.9%	14.1%	14.1%	-8.7%	-8.7%	17.4%
FTSE Việt Nam	-3.0%	-2.6%	13.7%	13.7%	-18.8%	-18.8%	15.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-3.1%	-1.7%	14.2%	14.2%	-20.8%	-20.8%	22.6%
Nước & Năng lượng	-3.5%	-1.6%	16.4%	16.4%	-17.4%	-17.4%	22.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-3.7%	-3.1%	15.6%	15.6%	-18.8%	-18.8%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.9%	-2.9%	17.1%	17.1%	-22.7%	-22.7%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-4.2%	-3.8%	18.0%	18.0%	-18.6%	-18.6%	17.4%
Hàng tiêu dùng	-4.3%	-3.0%	27.4%	27.4%	-17.8%	-17.8%	15.6%
Xây dựng	-4.4%	-3.5%	18.3%	18.3%	-18.8%	-18.8%	22.1%
Ngân Hàng	-4.5%	-5.3%	12.9%	12.9%	-18.8%	-18.8%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-4.5%	-4.4%	21.7%	21.7%	-22.3%	-22.3%	22.1%
Lãi suất giảm	-4.6%	-4.4%	23.1%	23.1%	-18.8%	-18.8%	19.1%
Stay-at-home	-4.6%	-2.8%	23.4%	23.4%	-10.5%	-10.5%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	-4.7%	-2.7%	24.1%	24.1%	-16.0%	-16.0%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-4.7%	-5.6%	14.5%	14.5%	-20.7%	-20.7%	17.4%
VN FinSelect	-4.7%	-5.7%	13.7%	13.7%	-20.5%	-20.5%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-4.9%	-4.6%	17.1%	17.1%	-22.1%	-22.1%	17.4%
Corona Avengers	-5.0%	-2.9%	31.8%	31.8%	-13.2%	-13.2%	15.6%
VN Diamond	-5.1%	-4.9%	17.8%	17.8%	-22.4%	-22.4%	22.1%
Chiến tranh thương mại	-5.4%	-5.0%	21.1%	21.1%	-23.3%	-23.3%	17.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-5.7%	-6.2%	22.4%	22.4%	-17.0%	-17.0%	22.6%
Dầu khí	-6.1%	-0.8%	31.8%	31.8%	-28.7%	-28.7%	15.6%

Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	-2.7%	-1.5%	15.9%	15.9%	-19.7%	-19.7%	17.2%
S11	-3.5%	-3.0%	12.0%	12.0%	-14.4%	-14.4%	18.7%
M22	-3.6%	-2.1%	18.3%	18.3%	-16.9%	-16.9%	18.8%
M12	-3.6%	-2.8%	15.3%	15.3%	-17.7%	-17.7%	19.9%
L32	-4.5%	-3.9%	25.7%	25.7%	-23.8%	-23.8%	20.9%
S21	-4.7%	-4.3%	19.0%	19.0%	-19.5%	-19.5%	19.8%
L22	-4.7%	-4.6%	21.9%	21.9%	-20.0%	-20.0%	19.6%
S32	-4.8%	-3.7%	27.4%	27.4%	-25.3%	-25.3%	22.1%
M31	-5.1%	-4.6%	15.6%	15.6%	-21.1%	-21.1%	20.8%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-3.2%	-1.8%	12.8%	12.8%	-16.8%	-16.8%	17.0%
MID1	-4.3%	-3.9%	19.3%	19.3%	-14.1%	-14.1%	17.3%
HIGH3	-5.0%	-4.5%	20.9%	20.9%	-13.8%	-13.8%	18.8%

INDEX							
VNINDEX	-3.5%	-2.9%	15.7%	15.7%	-20.2%	-20.2%	16.8%
VN30INDEX	-4.0%	-3.9%	15.7%	15.7%	-19.6%	-19.6%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	5	18	10	13	16	7
Mục tiêu	9	2	7	3	6	6	3
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

PVB_Duy trì đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 nằm trên EMA26.

Nhận định: PVB đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi đã thiết lập mức đáy lịch sử tại giá 6.9 vào đầu tháng này. Phiên hôm nay, sự hưng phấn được duy trì đã đẩy giá cổ phiếu tăng hơn 4% khá ấn tượng, qua đó vượt lên trên mốc 15. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Tuy vậy, chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua nên áp lực chốt lời có thể xuất hiện trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, PVB tiềm năng sẽ tiếp tục tăng cho đến khi tiếp cận vùng giá xung quanh 18.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 21/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 21/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	1.57	104.17%	-92.19%	-93.90%	-97.47%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	25.70	0.51%	-13.18%	-15.20%	-61.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	66.80	-0.04%	-7.22%	-3.60%	-65.74%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1690.91	-0.28%	-2.09%	12.80%	32.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.28	-0.27%	-3.02%	21.10%	2.25%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	832.00	-0.51%	-2.75%	-1.90%	-11.86%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	552.25	0.87%	0.45%	3.70%	11.34%	0/1/1900	AFX
Sữa	USD /cwt	11.59	-2.69%	-4.92%	-25.30%	-29.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	153.20	-1.10%	1.19%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.26	-2.56%	-0.29%	-3.50%	-28.00%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	115.25	-1.96%	-4.44%	6.60%	7.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5183.50	-0.53%	3.27%	0.80%	-19.96%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3323.00	-1.66%	-2.06%	-1.40%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1503.00	-0.27%	1.59%	-9.00%	-19.50%	0/1/1900	CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	607.00	-2.02%	0.33%	0.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.80	-2.66%	-7.74%	-18.10%	-36.20%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn giao tháng 5/2020 giảm 2.51 USD (9%) xuống 25.57 USD/thùng, trong khi Hợp đồng dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) kỳ hạn giao tháng 5/2020 đáo hạn trong phiên 20/4/2020 giảm 55.90 USD, hay 305%, xuống -37.63 USD/thùng, đánh dấu phiên giao dịch tồi tệ nhất của hợp đồng này kể từ khi dầu WTI được đưa lên sàn vào năm 1983.
- Ở Cushing, Oklahoma (Mỹ), một thị trấn nhỏ chỉ có chưa đầy 10,000 người nhưng là trung tâm lưu trữ dầu chính của Mỹ, các kho chứa đã đầy 70% từ tuần trước và dự kiến sẽ đầy tràn sau đó 2 tuần. Theo quy định kỹ thuật của các hợp đồng kỳ hạn giao sau của dầu WTI, khi hợp đồng đáo hạn thì chủ sở hữu hợp đồng phải chuyển giao dầu tới Cushing (mỗi hợp đồng mà họ sở hữu tương đương 1,000 thùng dầu). Việc nhiều người muốn thoát khỏi vai trò chủ sở hữu của hợp đồng kỳ hạn tháng 5 khiến giá của hợp đồng này giảm từ mức 18 USD/thùng vào ngày 14/4 xuống âm 40 USD/thùng trong phiên vừa qua, vậy mà vẫn không ai muốn mua hợp đồng này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,692.26 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0.7% lên 1,711.20 USD/ounce. Động lực đẩy giá đi lên là việc giá dầu thô Mỹ "sụp đổ" khiến những tài sản rủi ro giảm giá theo, kéo nhà đầu tư quay lại với những tài sản an toàn.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.7% lên 624 CNY (88.18 USD)/tấn. Hãng Vale của Brazil mới đây đã hạ dự báo về sản lượng quặng sắt bột hàng năm xuống khoảng 310- 330 USD/tấn, từ mức 340 – 355 USD/tấn trước đây, và quặng sắt viên từ 44 triệu tấn xuống 40 triệu tấn.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 1.1% xuống 3,362 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng giảm 0.8% xuống 3,218 CNY/tấn.

Giá cao su

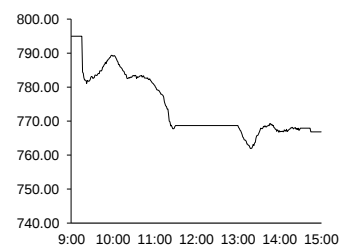
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 1 JPY lên 154.9 JPY (1.44 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 95 CNY lên 10,140 CNY (1,434 USD)/tấn. Giá cao su trên cả 2 sàn Tokyo và Thượng Hải đều tăng trong phiên vừa qua sau khi Trung Quốc hạ lãi suất cơ bản để kích thích nền kinh tế - bị ảnh hưởng nặng nề do Covid-19.
- Hãng sản xuất lốp xe hàng đầu Nhật Bản, Bridgestone Corp, ngày hôm qua thông báo sẽ tạm dừng hoạt động ở 11 nhà máy của hãng, trong đó có 8 nhà máy sản xuất lốp xe, kể từ cuối tháng 4/2020 đến đầu tháng 5/2020 để nguồn cung phù hợp với nhu cầu trong bối cảnh dịch Covid-19.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm gần 3% xuống 10.06 US cent/lb. Giá đường trắng cùng kỳ

Hình 1

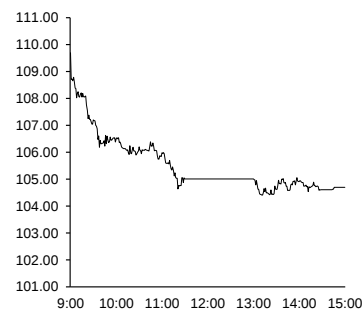
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

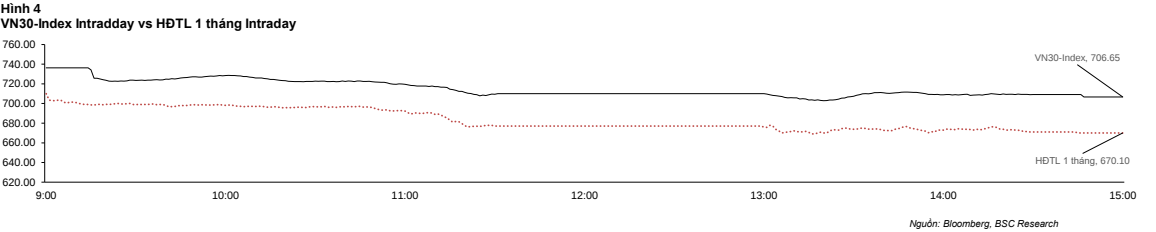
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Y tế	-1.48%
Du lịch và Giải trí	-1.84%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.44%
Bất động sản	-2.57%
Xây dựng và Vật liệu	-2.99%
Bảo hiểm	-3.26%
Thực phẩm và đồ uống	-3.73%
Công nghệ Thông tin	-3.74%
Tài nguyên Cơ bản	-4.03%
Ngân hàng	-4.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.12%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.55%
Dịch vụ tài chính	-4.58%
Truyền thông	-4.61%
Hóa chất	-4.71%
Ô tô và phụ tùng	-4.84%
Bán lẻ	-5.12%
Dầu khí	-7.12%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	670.10	-5.62%	-36.55	44.6%	230,517	5/21/2020	32
VN30F2006	665.00	-5.78%	-41.65	33.6%	755	6/18/2020	60
VN30F2009	666.00	-5.76%	-40.65	22.5%	147	9/17/2020	151
VN30F2012	666.60	-5.98%	-40.05	39.8%	137	12/17/2020	242

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index giảm mạnh -29.66 điểm xuống mức 706.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VNM, HPG, và VIC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực xuống dưới 710 điểm. Sang phiên chiều, VN30 chủ yếu giằng co quanh 705-710 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống 690 điểm trong những phiên tiếp theo.
 - Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2005 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM2001	KIS	6/19/2020	59	2:1	107,810	-25.2%	2.0 triệu	35.62%	1,000	1,490	35.45%	509.20	2.93
CDPM2002	KIS	12/16/2020	239	1:1	41,750	663.3%	2.0 triệu	35.62%	1,700	3,000	2.74%	1,702.70	1.76
CVIC2001	KIS	12/16/2020	239	5:1	22,960	39.2%	2.0 triệu	30.90%	2,700	2,220	-8.26%	361.00	6.15
CVNM2002	KIS	12/16/2020	239	5:1	84,180	-34.2%	3.0 triệu	27.82%	3,200	1,200	-11.76%	139.10	8.63
CMSN2001	KIS	12/16/2020	239	5:1	71,570	81.3%	2.0 triệu	31.91%	2,300	1,720	-13.57%	648.00	2.65
CSTB2002	KIS	12/16/2020	239	1:1	117,330	16.8%	3.0 triệu	37.25%	1,700	1,180	-16.31%	351.20	3.36
CHPG1909	KIS	5/15/2020	24	2:1	616,460	188.3%	5.0 triệu	32.04%	1,800	90	-18.18%	2.50	36.00
CFPT1908	MBS	6/17/2020	57	3:1	207,010	133.4%	2.4 triệu	31.66%	3,150	730	-18.89%	322.60	2.26
CHDB2003	KIS	12/16/2020	239	2:1	65,460	-56.0%	2.0 triệu	34.45%	2,700	750	-19.35%	86.30	8.69
CVPB2001	HSC	6/22/2020	62	2:1	311,570	67.6%	5.0 triệu	39.68%	1,500	990	-21.43%	572.00	1.73
CSBT2001	KIS	12/16/2020	239	1:1	102,420	339.9%	2.0 triệu	34.05%	2,900	920	-23.33%	206.70	4.45
CSTB2001	KIS	6/19/2020	59	1:1	686,670	27.1%	5.0 triệu	37.25%	1,500	390	-23.53%	68.10	5.73
CVRE2003	KIS	12/16/2020	239	2:1	85,740	489.7%	3.0 triệu	38.36%	3,000	1,100	-23.61%	198.30	5.55
CVRE2001	KIS	9/21/2020	153	4:1	164,550	56.9%	8.0 triệu	38.36%	1,500	280	-26.32%	45.30	6.18
CREE2001	HSC	6/22/2020	62	5:1	498,920	386.9%	5.0 triệu	30.35%	1,100	210	-30.00%	19.60	10.71
CHPG2004	SSI	6/15/2020	55	1:1	156,870	191.6%	5.0 triệu	32.04%	2,800	650	-30.85%	164.40	3.95
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	92	1:1	38,890	29.7%	1.5 triệu	39.68%	2,200	1,100	-38.89%	769.80	1.43
CMWG2004	SSI	6/15/2020	55	1:1	161,140	-46.5%	1.0 triệu	38.21%	13,600	640	-39.62%	175.60	3.64
CMBB2001	HSC	6/22/2020	62	2:1	699,260	601.5%	5.0 triệu	32.44%	1,600	90	-40.00%	7.00	12.86
CVPB2004	SSI	5/14/2020	23	1:1	250,970	14.4%	3.0 triệu	39.68%	4,100	200	-41.18%	16.90	11.83
Tổng:					4,491,530		66.90 triệu				34.87%**		
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 21/4/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
 - Về giá, CDPM2001 tăng mạnh 35.45%. Trái lại, CMWG2004 và CVPB2003 giảm mạnh lần lượt là -39.62% và -38.89%. Giá trị giao dịch tăng 1.55%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.94% thị trường.
 - Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CDPM2001 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
POW	9.33	-0.74	-0.05
EIB	15.15	-0.33	-0.07
NVL	52.50	-0.38	-0.09
ROS	3.59	-6.99	-0.09
VCB	71.50	-0.56	-0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	19.6	-6.90	-3.37
TCB	16.9	-4.80	-2.63
VNM	96.8	-3.20	-2.41
HPG	20.2	-4.72	-2.26
VIC	93.0	-3.33	-2.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM2001	16,567	14,567	14,800
CDPM2002	16,952	15,252	14,800
CVIC2001	139,968	126,468	93,000
CVNM2002	157,111	141,111	96,800
CMSN2001	77,289	65,789	56,600
CSTB2002	13,588	11,888	8,990
CHPG1909	28,280	24,680	20,200
CFPT1908	63,450	54,000	49,300
CHDB2003	37,523	32,123	20,100
CVPB2001	23,000	20,000	19,550
CSBT2001	24,011	21,111	14,250
CSTB2001	12,499	10,999	8,990
CVRE2003	43,999	37,999	24,400
CVRE2001	42,789	36,789	24,400
CREE2001	39,553	34,311	29,300
CHPG2004	26,300	23,500	20,200
CVPB2003	24,200	22,000	19,550
CMWG2004	24,100	10,500	79,400
CMBB2001	24,200	21,000	15,650
CVPB2004	28,100	24,000	19,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.4	-5.8%	1.2	1,563	9.1	8,655	9.2	2.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.9	-3.8%	1.3	567	3.4	5,248	11.0	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	45.6	-4.7%	1.4	1,472	1.2	1,632	27.9	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.6	-2.9%	0.6	307	0.1	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	93.0	-3.3%	0.9	13,677	3.6	2,310	40.3	4.0	14.2%	11.7%
VRE	Bất động sản	24.4	-6.9%	1.1	2,411	3.0	1,226	19.9	2.1	31.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.5	-0.4%	0.8	2,213	1.5	3,552	14.8	2.3	6.0%	16.6%
REE	Bất động sản	29.3	-5.0%	0.9	395	1.6	5,287	5.5	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.8	-6.9%	1.5	222	2.9	2,289	4.3	0.7	41.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	12.9	-6.2%	1.3	336	2.5	1,787	7.2	0.7	51.4%	9.9%
VCI	Chứng khoán	17.8	-6.8%	1.0	127	0.5	4,240	4.2	0.7	34.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.7	-4.6%	1.8	208	1.7	1,480	10.6	1.1	54.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	49.3	-3.9%	0.8	1,461	8.1	4,631	10.6	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.0	-2.3%	0.4	497	0.0	4,812	9.6	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	64.5	-6.3%	1.5	5,367	4.4	5,820	11.1	2.4	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	40.9	-6.9%	1.5	2,115	4.8	3,495	11.7	2.1	13.1%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.7	-9.3%	1.6	243	5.4	1,777	6.6	0.4	15.1%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.8	-7.9%	0.8	782	1.9	898	6.5	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	90.1	0.0%	0.6	512	0.2	5,046	17.9	3.3	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	-0.3%	0.6	252	4.8	1,006	14.7	0.7	17.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	7.5	5.5%	0.6	171	1.6	592	12.6	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	71.5	-0.6%	1.2	11,530	6.5	5,003	14.3	3.3	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	34.7	-6.5%	1.6	6,068	3.5	2,366	14.7	1.9	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	18.8	-5.3%	1.2	3,043	7.8	2,541	7.4	0.9	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	19.6	-6.9%	1.2	2,072	4.9	3,750	5.2	1.1	23.2%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.7	-6.0%	1.1	1,641	7.4	3,476	4.5	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	19.8	-4.3%	1.0	1,431	5.2	3,694	5.4	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	43.0	-4.0%	0.9	153	0.7	5,165	8.3	1.4	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	31.3	-4.3%	0.4	134	0.1	4,167	7.5	1.2	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	-3.8%	0.6	654	0.0	356	42.7	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	20.2	-4.7%	1.1	2,425	10.7	2,588	7.8	1.2	36.4%	17.1%
HSG	Thép	6.2	-6.9%	1.7	115	3.4	1,161	5.4	0.5	17.5%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	96.8	-3.2%	0.7	7,329	9.0	5,478	17.7	6.1	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	170.0	-3.9%	0.8	4,740	1.6	7,477	22.7	5.8	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	56.6	-4.7%	1.0	2,877	4.6	4,772	11.9	1.5	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.3	-6.9%	0.8	364	2.5	508	28.1	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	58.7	-5.3%	0.8	5,556	1.1	3,450	17.0	3.5	3.6%	22.3%
VJC	Vận tải	115.0	-1.9%	1.1	2,619	1.3	7,889	14.6	3.9	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	27.2	-1.6%	1.7	1,677	4.1	1,654	16.4	2.1	9.5%	12.9%
GMD	Vận tải	16.9	-5.8%	1.0	218	0.6	1,602	10.5	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.3	-6.8%	1.0	125	2.4	2,398	4.3	0.7	27.1%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.6	-6.2%	1.0	408	2.0	9,053	6.5	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.7	-5.7%	0.8	306	0.1	1,453	10.8	1.1	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.7	-4.9%	1.0	210	0.1	1,938	6.5	0.9	6.5%	14.1%
CTD	Xây dựng	57.4	-7.0%	1.2	190	1.4	8,032	7.1	0.5	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	0.5	482	0.1	1,548	16.2	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.7	-0.5%	0.4	212	1.2	760	25.9	1.0	45.8%	3.7%
POW	Điện	9.3	-0.7%	0.6	950	3.3	1,028	9.1	0.8	11.7%	9.4%
NT2	Điện	19.6	1.8%	0.6	245	0.9	2,560	7.6	1.4	17.7%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCM	7.45	5.52	0.06	4.99MLN
BIC	26.50	6.43	0.05	5200.00
NT2	19.55	1.82	0.03	1.03MLN
PGI	15.80	6.76	0.03	3460.00
STG	15.70	5.37	0.02	4430.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-3.09	892270.00	1.11MLN
BID	-0.01	-2.76	2.24MLN	607060.00
GAS	-0.01	-2.35	1.56MLN	373600.00
VNM	0.00	-1.59	2.13MLN	192700.00
SAB	0.00	-1.26	204650.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	68.80	7.00	0.02	120.00
HTT	0.92	6.98	0.00	16490.00
SJF	1.54	6.94	0.00	2.83MLN
TCO	8.67	6.91	0.00	60.00
PTC	5.43	6.89	0.00	5680.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVE	9.30	-7.00	-0.01	30350.00
HSL	5.58	-7.00	0.00	195180.00
HVH	7.44	-7.00	0.00	248620.00
DRH	5.05	-7.00	-0.01	2.45MLN
DHM	4.12	-7.00	0.00	245740.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	7.50	8.70	0.03	300.00
SJE	18.30	8.93	0.02	100.00
KLF	1.60	6.67	0.02	9.37MLN
MBG	9.60	9.09	0.02	1.94MLN
SLS	50.00	5.04	0.01	17200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.70	-9.77	-2.26	5.58MLN
ACB	19.80	-4.35	-1.44	6.01MLN
PVS	11.70	-9.30	-0.29	10.32MLN
VCS	58.60	-6.24	-0.13	772600.00
SHS	8.10	-8.99	-0.12	3.44MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

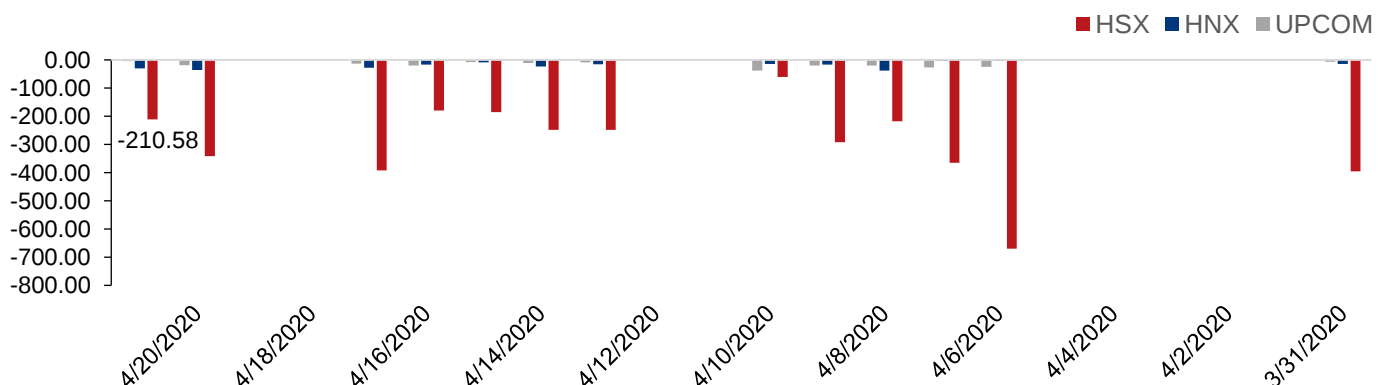
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	33.3	0.00	249700.00
NHC	31.90	10.0	0.00	100.00
VSA	15.40	10.0	0.01	200.00
WSS	2.20	10.0	0.01	3500.00
DNM	27.00	9.8	0.01	78900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.40	-20.00	0.00	340500.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	758500.00
KVC	0.70	-12.50	-0.01	242100.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	51700.00
C69	5.40	-10.00	-0.01	133800.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



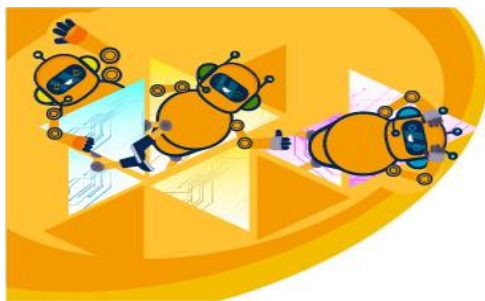
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.9	1,602	10.5	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	19.8	3,694	5.4	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.9	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	170.0	7,477	22.7	5.8	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.4	1,688	12.1	1.5	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	96.8	5,478	17.7	6.1	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.5	2,690	4.3	0.7	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.4	8,655	9.2	2.9	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	27.5	6,553	4.2	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	49.3	4,631	10.6	2.4	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.7	2,282	7.7	1.3	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.4	4,465	5.0	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	90.1	5,046	17.9	3.3	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.5	4,313	5.2	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.9	5,248	11.0	2.6	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,398	4.3	0.7	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	158.9	14,782	10.7	4.4	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.7	0	21.8	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	79.4	8,655	9.2	2.9	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	19.8	3,694	5.4	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 ; Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn